

Số: 10/2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình mục tiêu
Quốc gia giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ một số nội dung sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo và công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình.

2. Mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ đối với các dự án, mô hình: Tối đa không quá 350 triệu đồng/dự án, mô hình.

b) Mức hỗ trợ các hộ gia đình tham gia dự án, mô hình:

- Hộ nghèo: Hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ/năm;
- Hộ cận nghèo: Hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 08 triệu đồng/hộ/năm;
- Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ bằng 60% mức hỗ trợ hộ nghèo và tối đa không quá 06 triệu đồng/hộ/năm.

c) Mức chi xây dựng và quản lý dự án, mô hình: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

d) Hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thụ hưởng kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình:

- Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135: 05 triệu đồng/xã/năm;

- Đối với các xã, thị trấn khu vực II có thôn đặc biệt khó khăn, xã thực hiện dự án, mô hình: 03 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

Điều 2. Quy định nội dung và định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

2. Nội dung và định mức chi phí hỗ trợ:

a) Định mức chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình tối đa không quá 30% định mức chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Bảng số 4, Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

b) Định mức chi phí hỗ trợ quản lý thực hiện dự án tối đa không quá 50% định mức chi phí quản lý dự án tại Bảng số 1, Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Khi các văn bản dẫn chiếu để quy định về chế độ, định mức chi tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận: ~~law~~

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan: Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, Bộ LĐTB&XH, Bộ NN&PTNT, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội.
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin "Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang"
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP.HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hải

